

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

*V/v: Tuyên bố không công nhận quan hệ
vợ chồng.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu

2. Ông Bùi Khắc Thái.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, về việc: “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách Văn C, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 19, phường K, Thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Nh, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ông Quách Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Lưu Thị T kết hôn với nhau năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên hiện nay ông bà cũng không còn giữ giấy đăng ký kết hôn và tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện N cũng không còn thông tin lưu trữ về việc ông bà có đăng ký kết hôn tại đây. Sau khi

kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại Thôn Nh, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình và hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà luôn xảy ra bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Năm 1999 ông đã bỏ về Thành phố Lào Cai sinh sống, và bà T vẫn sống tại xã Đ, huyện N. Ông và bà T chính thức ly thân từ năm 1999 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay ông C thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại nên ông giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và Bà Lưu Thị T.

Về con chung: Ông C xác định ông và bà T có 01 con chung là cháu Quách Văn Đ sinh ngày 13/6/1996. Hiện nay cháu đã trưởng thành tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của bị đơn Bà Lưu Thị T: Được thể hiện trong bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T xác định thời điểm kết hôn và chung sống như ông C trình bày là đúng. Theo bà vợ chồng ông bà sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến những va chạm mâu thuẫn xảy ra. Ông bà đã ly thân nhiều năm nay. Nay ông C xin tuyên bố không công nhận là vợ chồng với bà thì bà cũng đồng ý vì bà cũng xác định không còn tình cảm với ông C.

Về con chung: Bà xác định bà và ông C có 01 con chung là cháu Quách Văn Đ sinh ngày 13/6/1996. Hiện nay cháu đã trưởng thành tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 07/9/2022, UBND xã Đ đã cung cấp thông tin: Về việc thực hiện đăng ký kết hôn thì hiện nay UBND xã Đ không còn hồ sơ lưu trữ của năm 1993, các đương sự lại không cung cấp được các giấy tờ chứng minh đã đăng ký kết hôn. Kể từ năm 1993 đến nay bà T và ông C chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn tại địa phương lần nào.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều

35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ các điều 147, 227, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Quách Văn C. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Quách Văn C và Bà Lưu Thị T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Văn C phải nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ

lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách Văn C và Bà Lưu Thị T về chung sống với nhau năm 1993, ông bà khai có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất, ông bà cũng không chứng minh được việc đã đăng ký kết hôn với nhau. Xác nhận của UBND xã Đ cũng khẳng định không có hồ sơ chứng minh ông C và bà T đã đăng ký kết hôn tại ủy ban. Việc ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân xã nơi cư trú của hai bên là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông Cyêu cầu Tuyên bố không công nhận vợ chồng với bà T là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Cả hai bên đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Quách Văn Đsinh ngày 13/6/1996. Hiện nay cháu đã trưởng thành tự lập, vì vậy không đặt ra việc giải quyết trong vụ án này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Ông Quách Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Quách Văn C.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Quách Văn C và Bà Lưu Thị T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Văn C phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 300.000đ theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003672 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh